THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /2016/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2847
ĐẾN Ngày: 26/8/16
Chuyển: Hải quan

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

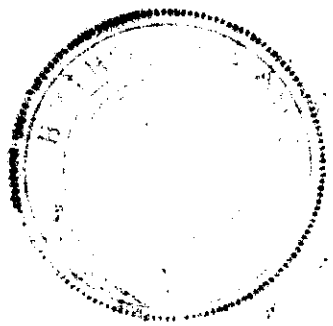
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2016.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử để thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thủ tục thanh toán qua ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Bên cung cấp thông tin: Tổng cục Hải quan.

2. Bên sử dụng thông tin:

a) Các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử để thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và các thủ tục hành chính khác; kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường;

b) Các tổ chức tín dụng sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử để thực hiện các thủ tục về thuế, thủ tục thanh toán qua ngân hàng;

c) Các tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Bộ Công Thương ủy quyền.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cơ quan kiểm tra" bao gồm cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan, cơ quan Quản lý thị trường, cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và các đơn vị, người có thẩm quyền kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu và lưu thông hàng hóa trên thị trường.

2. "Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử" (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin hải quan) là hệ thống thông tin của Tổng cục Hải quan có chức năng cung cấp và quản lý việc cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử

1. Việc cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng đối tượng.

2. Việc sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử được cung cấp phải đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin; đồng thời phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

Điều 5. Hình thức cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử

1. Bên sử dụng thông tin truy cập Cổng thông tin hải quan bằng tài khoản do Tổng cục Hải quan cấp để sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử dưới dạng văn bản điện tử.

2. Bên sử dụng thông tin thực hiện kết nối hệ thống thông tin với Cổng thông tin hải quan để sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử dưới dạng dữ liệu điện tử.

3. Cơ quan kiểm tra sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử dưới dạng tin nhắn do Tổng cục Hải quan cung cấp thông qua số điện thoại được công bố chính thức.

Điều 6. Nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử

1. Nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Ngoài nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ danh sách chỉ tiêu thông tin của tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định hiện hành, bên sử dụng thông tin đề nghị Tổng cục Hải quan bổ sung các chỉ tiêu thông tin cần cung cấp để phù hợp với yêu cầu quản lý của từng cơ quan. Thủ tục bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

3. Thông tin tờ khai hải quan điện tử cung cấp dưới dạng văn bản điện tử và dữ liệu điện tử được ký bằng chữ ký số của Tổng cục Hải quan.

4. Thông tin tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng chỉ được cung cấp khi có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Thời hạn cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử

Trong thời gian không quá 01 phút kể từ khi nhận được yêu cầu, Cổng thông tin hải quan phản hồi cho bên sử dụng thông tin các nội dung sau:

1. Thông tin tờ khai hải quan điện tử; hoặc

2. Thông báo lý do trong trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc không có thông tin tờ khai hải quan điện tử.

Điều 8. Hệ thống tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan điện tử của bên sử dụng thông tin

1. Căn cứ điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bên sử dụng thông tin chủ động nâng cấp, xây dựng, triển khai hệ thống thông tin và phối hợp với Tổng cục Hải quan tiến hành kết nối các hệ thống để cung cấp, tiếp nhận và sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

2. Để kết nối với Cổng thông tin hải quan, hệ thống tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan điện tử của bên sử dụng thông tin phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Áp dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc mã hóa đường truyền;

c) Đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật do Tổng cục Hải quan công bố, gồm: chỉ tiêu thông tin, định dạng dữ liệu, phương thức kết nối, tần suất trao đổi thông tin.

Điều 9. Đăng ký sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử

1. Bên sử dụng thông tin có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho Tổng cục Hải quan bằng văn bản. Việc phân công đầu mối đăng ký được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ: Đầu mối đăng ký là một tổ chức hành chính thuộc bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Đối với các tổ chức tín dụng: Đầu mối đăng ký là một đơn vị chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính;

c) Đối với các tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Bộ Công Thương ủy quyền:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam: Đầu mối đăng ký là một đơn vị chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính;

- Các tổ chức khác thực hiện đăng ký sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử thông qua đầu mối đăng ký của Bộ Công Thương.

2. Việc gửi văn bản từ đầu mối của bên sử dụng thông tin đến Tổng cục Hải quan và ngược lại để phục vụ quá trình đăng ký sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử được thực hiện bằng một trong hai hình thức sau:

a) Gửi văn bản giấy trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến trụ sở làm việc của bên nhận văn bản;

b) Gửi văn bản điện tử sử dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật đến địa chỉ thư điện tử do bên nhận văn bản công bố hoặc thông qua dịch vụ trực tuyến do bên nhận văn bản cung cấp.

3. Thủ tục bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử:

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan thực hiện việc bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử và thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản, trường hợp có các chỉ tiêu thông tin không được chấp nhận bổ sung thì phải nêu rõ lý do.

4. Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin hải quan (sau đây gọi tắt là tài khoản):

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi tài khoản;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan thực hiện việc cấp tài khoản hoặc bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin các nội dung sau:

- Thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản, trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do;

- Đối với các tài khoản đăng ký mới: Thông báo thông tin tài khoản tới từng cá nhân đăng ký tài khoản bằng hình thức gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Hải quan công bố chính thức.

5. Thủ tục đăng ký sử dụng, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động:

a) Đầu mối đăng ký của cơ quan kiểm tra gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị đăng ký sử dụng hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan thực hiện việc đăng ký sử dụng hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động và thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của cơ quan kiểm tra bằng văn bản, trường hợp không chấp nhận đăng ký sử dụng hoặc bổ sung thời hạn sử dụng phải nêu rõ lý do.

6. Quy định về thời hạn sử dụng của tài khoản và thời hạn sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động (sau đây gọi tắt là thời hạn sử dụng):

a) Đối với các trường hợp đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng là 24 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24 tháng;

b) Thời hạn sử dụng được tính từ ngày Tổng cục Hải quan gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;

c) Trước thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm thông báo tới từng cá nhân đăng ký tài khoản hoặc đăng ký sử dụng hình thức nhắn tin về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Hải quan công bố chính thức.

7. Quy định về việc thu hồi tài khoản, thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động:

a) Tổng cục Hải quan thực hiện việc thu hồi tài khoản hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động trong các trường hợp sau:

- Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;

- Thời hạn sử dụng đã hết;

- Tài khoản hoặc số điện thoại di động không thực hiện việc tra cứu thông tin trong thời gian 06 tháng;

- Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin tờ khai hải quan không đúng nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

b) Việc thu hồi tài khoản hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động được thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Thời điểm phát hành văn bản là thời điểm chính thức hết hiệu lực sử dụng của tài khoản hoặc hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động.

8. Thủ tục đăng ký kết nối, dừng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin hải quan:

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Hải quan theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị kết nối hoặc dừng kết nối với Cổng thông tin hải quan;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Hải quan thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của bên sử dụng thông tin, trường hợp không chấp nhận đề nghị phải nêu rõ lý do;

c) Đối với trường hợp chấp nhận kết nối hệ thống: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Hải quan cử đoàn khảo sát đến địa điểm, cơ sở vật chất triển khai hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin để kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

- Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Hải quan thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc đủ điều kiện kết nối và phối hợp tiến hành kết nối các hệ thống để cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử;

- Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin không đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Hải quan thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc không đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin hải quan.

d) Đối với trường hợp chấp nhận dừng kết nối hệ thống: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Hải quan phối hợp với bên sử dụng thông tin tiến hành dừng kết nối các hệ thống.

9. Quy định về việc dừng kết nối giữa hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin hải quan:

a) Tổng cục Hải quan thực hiện việc dừng kết nối với hệ thống của bên sử dụng thông tin trong các trường hợp sau:

- Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;

- Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin tờ khai hải quan không đúng mục đích theo nội dung quy định tại Điều 4 Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.

b) Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức dừng kết nối, Tổng cục Hải quan thông báo bằng văn bản cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin về việc dừng kết nối giữa hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin hải quan.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 10. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan

1. Cung cấp và chịu trách nhiệm đảm bảo tính toàn vẹn của thông tin tờ khai hải quan điện tử quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Xây dựng, triển khai, quản lý vận hành Cổng thông tin hải quan, cụ thể:

a) Xây dựng, triển khai Cổng thông tin hải quan trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có hiệu lực của Quyết định này;

b) Đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu khai thác và thời hạn cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử;

c) Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, đảm bảo an toàn thông tin;

d) Chủ trì thực hiện việc hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ vận hành hệ thống.

3. Quản lý việc đăng ký sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử của bên sử dụng thông tin.

4. Triển khai, công bố địa chỉ thư điện tử và số điện thoại phục vụ việc cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử.

5. Xây dựng, công bố các yêu cầu kỹ thuật để kết nối với Cổng thông tin hải quan.

Điều 11. Trách nhiệm của bên sử dụng thông tin

1. Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật để bảo đảm thực hiện việc tiếp nhận, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

2. Sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử đúng nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản truy cập Cổng thông tin hải quan đã được cấp.

4. Đảm bảo việc xây dựng, triển khai, vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan điện tử đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này;

b) Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp việc thực hiện Quy chế; báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

2. Các bộ, cơ quan:

a) Các bộ, cơ quan liên quan có tránh nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện những nội dung có liên quan quy định tại Quy chế này;

b) Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) rà soát, thống nhất phạm vi cung cấp, nội dung cung cấp và đối tượng sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng;

c) Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện việc cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Quy chế này được cấp từ ngân sách nhà nước trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt cho các bộ, ngành theo quy định của pháp luật./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I

NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử tại Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Hình thức nhắn tin

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
1	Số tờ khai	
2	Mã loại hình	Loại hình xuất khẩu/nhập khẩu
3	Cơ quan hải quan	Mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan
4	Ngày đăng ký tờ khai	
5	Mã người nhập khẩu/xuất khẩu	Mã số thuế của người nhập khẩu đối với tờ khai nhập khẩu/mã số thuế của người xuất khẩu đối với tờ khai xuất khẩu
6	Trạng thái tờ khai	
7	Số lượng kiện/mã loại kiện	Tổng số lượng kiện hàng hóa/đơn vị tính

2. Các hình thức khác

a) Cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
1	Số tờ khai	
2	Mã loại hình	Loại hình xuất khẩu/nhập khẩu
3	Cơ quan hải quan	Mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan
4	Ngày đăng ký tờ khai	
5	Mã người nhập khẩu/xuất khẩu	Mã số thuế của người nhập khẩu đối với tờ khai nhập khẩu/mã số thuế của người xuất khẩu đối với tờ khai xuất khẩu
6	Tên người nhập khẩu/xuất khẩu	Tên người nhập khẩu của tờ khai nhập khẩu/Tên người xuất khẩu của tờ khai xuất khẩu
7	Trạng thái tờ khai	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
8	Số giấy phép	Trong trường hợp hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu/xuất khẩu
9	Mô tả hàng hóa	Tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kĩ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hoá theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng.
10	Mã số hàng hóa	Mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Bộ Tài chính ban hành.
11	Mã nước xuất xứ	Mã nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hoá được chế tạo (sản xuất)
12	Số lượng/đơn vị tính	Trọng lượng hàng hóa của từng dòng hàng/đơn vị tính
14	Số thuế đã nộp tương ứng với từng sắc thuế	
13	Ghi chép khác	Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành: Là số đăng ký kiểm tra cơ quan quản lý chuyên ngành đã cấp cho doanh nghiệp trước đó

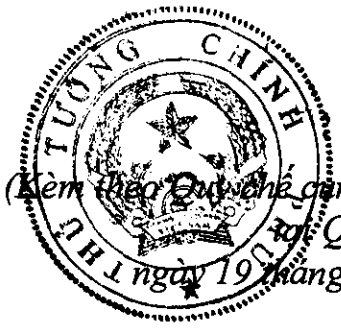
b) Cung cấp cho các tổ chức tín dụng

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
1	Số tờ khai	
2	Mã loại hình	Loại hình xuất khẩu/nhập khẩu
3	Cơ quan hải quan	Mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan
4	Ngày đăng ký tờ khai	
5	Mã người nhập khẩu/xuất khẩu	Mã số thuế của người nhập khẩu đối với tờ khai nhập khẩu/mã số thuế của người xuất khẩu đối với tờ khai xuất khẩu
6	Tên người nhập khẩu/xuất khẩu	Tên người nhập khẩu đối với tờ khai nhập khẩu/tên người xuất khẩu đối với tờ khai xuất khẩu
7	Trạng thái tờ khai	
8	Mô tả hàng hóa	Tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kĩ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hoá theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
9	Trị giá hóa đơn/mã đơn vị tiền tệ	Trị giá hóa đơn cho từng dòng hàng/mã đơn vị tiền tệ
10	Số thuế phải nộp tương ứng với từng sắc thuế	

c) Cung cấp cho các tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Bộ Công Thương ủy quyền

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
1	Số tờ khai	
2	Mã loại hình	Loại hình xuất khẩu/nhập khẩu
3	Cơ quan hải quan	Mã Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan
4	Ngày đăng ký tờ khai	
5	Mã người nhập khẩu/xuất khẩu	Mã số thuế của người nhập khẩu đối với tờ khai nhập khẩu/mã số thuế của người xuất khẩu đối với tờ khai xuất khẩu
6	Tên người nhập khẩu/xuất khẩu	Tên người nhập khẩu đối với tờ khai nhập khẩu/tên người xuất khẩu đối với tờ khai xuất khẩu
7	Trạng thái tờ khai	
8	Mô tả hàng hóa	Tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kĩ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hoá theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng.
9	Mã số hàng hóa	Mã số hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam, Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi và các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt do Bộ Tài chính ban hành.
10	Số lượng/đơn vị tính	Trọng lượng hàng hóa của từng dòng hàng/đơn vị tính
11	Mã nước xuất xứ	Mã nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được chế tạo (sản xuất)



Phụ lục II

(Kèm theo Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử tại Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu đề nghị bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử
Mẫu số 02	Mẫu đăng ký tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử
Mẫu số 03	Mẫu đăng ký sử dụng hình thức nhắn tin tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử
Mẫu số 04	Mẫu đăng ký kết nối, dừng kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử



Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN

Số:.....
V/v đề nghị bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

1. Cơ quan đề nghị:

Tên cơ quan			
Địa chỉ			
Điện thoại		Fax	
Đầu mối liên hệ	Tên người liên hệ		
	Điện thoại		
	Thư điện tử		

2. Nội dung đề nghị:

Đề nghị bổ sung nội dung cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử với các chỉ tiêu thông tin như sau:

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mục đích sử dụng

3. Hình thức nhận văn bản trả lời: (Chọn một trong hai hình thức sau)

☐ Nhận văn bản giấy

☐ Nhận văn bản điện tử tại địa chỉ thư điện tử:.....

Trân trọng./.

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN

Số:.....
V/v đăng ký tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

1. Cơ quan đề nghị:

Tên cơ quan			
Địa chỉ			
Điện thoại		Fax	
Đầu mối liên hệ	Tên người liên hệ		
	Điện thoại		
	Thư điện tử		

2. Nội dung đề nghị:

a) Cấp mới tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng (tháng)

b) Bổ sung thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Tên tài khoản	Thời hạn sử dụng (tháng)

c) Thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Điện thoại di động	Thư điện tử	Tên tài khoản	Lý do thu hồi

3. Hình thức nhận văn bản trả lời: (Chọn một trong hai hình thức sau)

☐ Nhận văn bản giấy

☐ Nhận văn bản điện tử tại địa chỉ thư điện tử:.....

Trân trọng./.

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN

Số:.....
V/v đăng ký sử dụng hình thức nhắn tin tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

1. Cơ quan đề nghị:

Tên cơ quan			
Địa chỉ			
Điện thoại		Fax	
Đầu mối liên hệ	Tên người liên hệ		
	Điện thoại		
	Thư điện tử		

2. Nội dung đề nghị:

a) Đăng ký sử dụng hình thức nhắn tin tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử của số điện thoại di động theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Số ĐTDĐ tra cứu thông tin	Thư điện tử	Thời hạn sử dụng (tháng)

b) Bổ sung thời hạn sử dụng hình thức nhắn tin tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử của số điện thoại di động theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Số ĐTDĐ tra cứu thông tin	Thư điện tử	Thời hạn sử dụng (tháng)

c) Thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin SMS của số điện thoại di động theo danh sách sau (dành cho cơ quan kiểm tra):

STT	Họ và tên	Đơn vị	Số ĐTDĐ tra cứu thông tin	Thư điện tử	Lý do thu hồi

3. Hình thức nhận văn bản trả lời: (Chọn một trong hai hình thức sau)

☐ Nhận văn bản giấy

☐ Nhận văn bản điện tử tại địa chỉ thư điện tử:.....

Trân trọng./.

Ký tên và đóng dấu

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:..... V/v kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử	....., *ngày.....tháng..... năm.....*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

1. Cơ quan đề nghị:

Tên cơ quan			
Địa chỉ			
Điện thoại		Fax	
Đầu mối liên hệ	Tên người liên hệ		
	Điện thoại		
	Thư điện tử		

2. Nội dung đề nghị: (Chọn một trong hai nội dung sau)

☐ Kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

☐ Dừng kết nối với Cổng thông tin tờ khai hải quan điện tử.

3. Thông tin về hệ thống tiếp nhận thông tin tờ khai hải quan điện tử: (Kê khai trong trường hợp đăng ký kết nối)

- Địa điểm triển khai:.....

- Nội dung của chứng thư số áp dụng cho hệ thống:

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số:.....

+ Cơ quan, tổ chức được cấp chứng thư số:.....

+ Số hiệu của chứng thư số:.....

+ Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số:.....

+ Dữ liệu để kiểm tra chữ ký số:.....

4. Hình thức nhận văn bản trả lời: (Chọn một trong hai hình thức sau)

☐ Nhận văn bản giấy

☐ Nhận văn bản điện tử tại địa chỉ thư điện tử:.....

Trân trọng./.

Ký tên và đóng dấu